

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XIX KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 44/2024/QH15;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 294/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2027.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 12 năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý VPHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Công thông tin điện tử tỉnh Nghệ An;
- Báo và phát thanh, truyền hình Nghệ An;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

QUY ĐỊNH**Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liệu gắn với phát triển
du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2026/NQ-HĐND ngày / /2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng tham gia hoạt động trồng, sản xuất, chế biến, tiêu thụ được liệu; kinh doanh, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trải nghiệm hoặc du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với cây được liệu trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hoạt động phát triển được liệu và du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch lâm nghiệp và điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

2. Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất được liệu áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, trên cơ sở đề xuất của các địa phương, các sở, ngành chức năng có trách nhiệm tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động trồng, sản xuất, chế biến, tiêu thụ dược liệu, kinh doanh, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trải nghiệm hoặc du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với cây dược liệu là hỗ trợ có điều kiện, thông qua dự án, phương án sản xuất.

4. Mỗi nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này chỉ hỗ trợ một lần cho một đối tượng thụ hưởng đối với cùng một dự án, phương án, hạng mục.

5. Trường hợp một nội dung hỗ trợ được quy định tại nhiều chính sách khác nhau theo các văn bản quy phạm pháp luật kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách phù hợp, không trùng lặp nguồn hỗ trợ cho cùng một nội dung, khối lượng.

6. Hộ gia đình, cá nhân liên kết thành tổ hợp tác tham gia dự án, phương án theo Nghị quyết này phải được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 294/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về tổ hợp tác.

7. Đối tượng được hỗ trợ vi phạm cam kết duy trì nội dung được hỗ trợ theo đúng mục đích, thời hạn cam kết phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ tương ứng, trừ trường hợp nội dung được hỗ trợ bị thiệt hại, hư hỏng từ 70% trở lên do thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

8. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện chính sách.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 3. Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân sản xuất giống dược liệu trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia chính sách; Đối với các tổ chức: có dự án sản xuất giống dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ; Đối với các tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án sản xuất giống dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Quy mô diện tích sản xuất giống được liệu từ 0,2 ha trở lên, yêu cầu diện tích đất sản xuất giống phải liền thửa, tiếp giáp trực tiếp với nhau tạo thành khu vực sản xuất tập trung.

c) Cam kết duy trì sử dụng cơ sở hạ tầng được hỗ trợ đúng mục đích theo dự án/phương án được phê duyệt tối thiểu 3 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần không quá 50% tổng mức đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng (nhà lưới, nhà kính, kho bảo quản, hệ thống tưới) và mua mới thiết bị phục vụ sản xuất giống (hệ thống giá kệ, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thiết bị theo dõi điều kiện bảo quản và các thiết bị chuyên dụng khác). Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 4. Hỗ trợ trồng được liệu tập trung

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân phát triển vùng nguyên liệu được liệu tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia chính sách; Đối với các tổ chức: có dự án xây dựng vùng trồng được liệu tập trung được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ; Đối với các tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án trồng được liệu tập trung được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Quy mô diện tích vùng nguyên liệu của dự án, phương án

Diện tích vùng nguyên liệu đạt từ 01 ha trở lên (yêu cầu diện tích sản xuất phải liền thửa, tiếp giáp trực tiếp với nhau tạo thành khu vực sản xuất tập trung).

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ giống, phân bón, hệ thống tưới: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, phân bón, hệ thống tưới nhưng không quá 700 triệu đồng/ha

b) Hỗ trợ làm đất trồng mới được liệu: tối đa không quá 5000.000 đồng/ha

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 5. Hỗ trợ cây lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị được liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Các chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia thực hiện phát triển được liệu trên địa bàn Nghệ An.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật: Quy mô phương án tối thiểu từ 50 ha đối với chủ rừng là tổ chức, từ 10 ha đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

b) Đối với hỗ trợ trồng tập trung, trồng phân tán, trồng dưới tán rừng: có quy mô diện tích từ 0,5 ha trở lên; có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất hoặc hợp đồng thuê đất, hợp đồng khoán rừng hoặc quyết định giao đất, giao rừng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có xác nhận sử dụng đất lâu dài, ổn định không tránh chấp của chính quyền địa phương; có phương án, hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật cây được liệu trong rừng

Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/phương án, hồ sơ thiết kế kỹ thuật đối với tổ chức.

Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/phương án, hồ sơ thiết kế kỹ thuật đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí mua cây giống và tối đa 40 triệu đồng/ha chi phí nhân công để thực hiện trồng tập trung đối với cây lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị được liệu.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí mua cây giống và tối đa 15 triệu đồng/ha chi phí nhân công để thực hiện trồng phân tán; trồng bổ sung, khoanh nuôi, phục hồi dưới tán rừng các loài cây lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị được liệu.

4. Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 6. Hỗ trợ vùng nguyên liệu được liệu được chứng nhận đạt chuẩn GACP

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân sản xuất được liệu có nhu cầu chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia chính sách; Đối với các tổ chức: có dự án xây dựng vùng nguyên liệu được liệu đạt tiêu chuẩn GACP được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ; Đối với các tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án xây dựng vùng nguyên liệu được liệu đạt tiêu chuẩn GACP được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100 % chi phí tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GACP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/giấy chứng nhận; mỗi dự án, phương án tối đa không quá 03 giấy chứng nhận.

4. Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 7. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng được liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân xây dựng vùng trồng nguyên liệu được liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia chính sách; Đối với các tổ chức: có dự án xây dựng vùng trồng được liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ; Đối với các tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án xây dựng vùng trồng được liệu đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% chi phí thuê tư vấn, đánh giá, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/mã số vùng trồng.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng cơ sở bảo quản và chế biến được liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, hộ kinh doanh có hoạt động bảo quản, chế biến được liệu và đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Đối với cơ sở bảo quản được liệu

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

- Các tổ chức, hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định, có kho bảo quản được liệu trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có quyền sử dụng địa điểm kho hợp pháp và không thuộc diện đang thụ hưởng kinh phí hỗ trợ hạ tầng, thiết bị từ các dự án liên kết chuỗi giá trị;

- Kho có diện tích sử dụng trực tiếp để bảo quản được liệu tối thiểu 500 m², thể tích khu vực bảo quản tối thiểu 1.500 m³; có khu vực, trang thiết bị và quy trình phù hợp với đặc tính, mục đích sử dụng của được liệu. Hoạt động bảo quản đáp ứng

quy định chuyên ngành tương ứng đối với dược liệu dùng làm thuốc, nguyên liệu sản xuất thực phẩm hoặc mỹ phẩm, cùng các yêu cầu về môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

- Có phương án tiếp nhận, sơ chế, bảo quản, đóng gói dược liệu nuôi trồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; có hợp đồng, chứng từ giao nhận, hồ sơ vùng trồng hoặc tài liệu hợp pháp khác chứng minh nguồn gốc dược liệu đưa vào kho. Trong thời gian duy trì hoạt động theo chính sách, kho dược hỗ trợ chỉ bảo quản dược liệu nuôi trồng trên địa bàn tỉnh;

- Kho bảo quản, công trình hạ tầng và máy móc, thiết bị dược hỗ trợ phải phục vụ 60% việc bảo quản dược liệu có nguồn gốc từ hoạt động nuôi trồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Nếu cơ sở có thêm hoạt động sơ chế, đóng gói chính dược liệu này, chi phí đầu tư khu vực và thiết bị phục vụ sơ chế, đóng gói cũng được xét hỗ trợ. Không được sử dụng các hạng mục dược hỗ trợ để sơ chế, đóng gói, bảo quản dược liệu có nguồn gốc ngoài tỉnh;

- Các khoản chi phí hình thành kho bảo quản dược liệu đề nghị hỗ trợ, bao gồm chi phí xây dựng hoặc cải tạo kho, lắp đặt hệ thống kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị và các chi phí khác thuộc phạm vi hỗ trợ của chính sách này, chưa được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo chính sách khác. Cơ sở không được nhận hỗ trợ hai lần đối với cùng một khoản chi phí.

b) Đối với cơ sở chế biến dược liệu

Các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều sau:

- Các tổ chức được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định; có cơ sở chế biến đặt tại Nghệ An, có quyền sử dụng địa điểm hợp pháp;

- Không thuộc đối tượng đang thụ hưởng kinh phí hỗ trợ hạ tầng, thiết bị từ các dự án liên kết chuỗi giá trị theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc các chương trình khác có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi tại thời điểm đề nghị hỗ trợ;

- Có hoạt động chế biến dược liệu để tạo ra nguyên liệu, bán thành phẩm hoặc thành phẩm sử dụng trong lĩnh vực dược, thực phẩm, mỹ phẩm và các sản phẩm khác theo quy định của pháp luật. Không xem xét hỗ trợ đối với các cơ sở chỉ thực hiện các hoạt động sơ chế, bảo quản hoặc đóng gói dược liệu thông thường;

- Cơ sở có diện tích tối thiểu 0,7 ha; có công suất thiết kế tối thiểu 3 tấn dược liệu tươi mỗi ngày;

- Khối lượng dược liệu được nuôi trồng, thu hái trên địa bàn tỉnh Nghệ An đưa vào chế biến phải chiếm tối thiểu 60% tổng khối lượng dược liệu đầu vào của cơ sở trong năm, tính theo dược liệu tươi. Đối với dược liệu đã qua sơ chế, làm khô được quy đổi về khối lượng dược liệu tươi theo tỷ lệ quy đổi phù hợp với từng loại dược liệu; cơ sở phải lưu giữ hồ sơ chứng minh nguồn gốc và khối lượng nguyên liệu sử dụng;

- Có quy trình chế biến, kiểm soát chất lượng và hồ sơ theo dõi được liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra theo từng lô; đáp ứng điều kiện sản xuất, chất lượng và lưu hành tương ứng với loại sản phẩm được tạo ra, cùng các yêu cầu về môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

- Danh mục nhà xưởng, thiết bị và các khoản chi phí đề nghị hỗ trợ phải phục vụ trực tiếp cho hoạt động chế biến được liệu của cơ sở.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Cơ sở bảo quản được liệu: Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Cơ sở chế biến được liệu: 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Đối với cơ sở bảo quản được liệu

Kinh phí hỗ trợ xây dựng kho bảo quản được liệu xác định trên cơ sở chi phí hợp lệ của các hạng mục đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và được giải ngân thành 03 đợt trong 03 năm, mỗi đợt tối đa bằng một phần ba tổng kinh phí hỗ trợ được phê duyệt.

Đợt hỗ trợ đầu tiên được xem xét sau khi kho có đủ 12 tháng vận hành. Việc giải ngân từng đợt căn cứ vào kết quả hoạt động của 12 tháng tương ứng: kho được hỗ trợ thực tế tiếp nhận, bảo quản được liệu nuôi trồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và không bảo quản được liệu có nguồn gốc ngoài tỉnh; cơ sở có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, số lượng được liệu nhập và xuất kho.

Năm không đáp ứng điều kiện thì không giải ngân phần kinh phí của năm đó và không chuyển phần này sang năm sau. Tổng kinh phí đã giải ngân không vượt mức hỗ trợ được phê duyệt; không hỗ trợ hai lần đối với cùng khoản chi phí đầu tư.

b) Đối với cơ sở chế biến được liệu

Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến được liệu được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư hợp lệ của hạng mục đã hoàn thành, đưa vào hoạt động và được giải ngân thành 05 đợt trong 05 năm, mỗi đợt tối đa bằng một phần năm tổng kinh phí hỗ trợ được phê duyệt.

Đợt hỗ trợ đầu tiên được xem xét sau khi cơ sở có đủ 12 tháng vận hành. Việc giải ngân từng đợt căn cứ vào kết quả của 12 tháng tương ứng: khối lượng được liệu có nguồn gốc nuôi trồng, thu hái hợp pháp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đưa vào chế biến đạt tối thiểu 60% tổng khối lượng được liệu đầu vào, tính theo được liệu tươi và có hồ sơ chứng minh.

Năm không đáp ứng điều kiện thì không giải ngân phần kinh phí của năm đó và không chuyển phần này sang năm sau. Tổng kinh phí đã giải ngân không vượt

mức hỗ trợ được phê duyệt; các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo chính sách khác không được tính hỗ trợ lần thứ hai.

Điều 9. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và chăm sóc sức khỏe gắn với cây dược liệu và tri thức bản địa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và các tổ chức/cộng đồng tham gia hoạt động kinh doanh du lịch, phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trải nghiệm hoặc du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Toàn bộ các đối tượng đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có đơn đăng ký tham gia chính sách; Đối với các tổ chức: có dự án phát triển mô hình du lịch trải nghiệm hoặc mô hình du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với vùng dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ; Đối với các tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: thuộc đối tượng tham gia thực hiện phương án phát triển mô hình du lịch trải nghiệm hoặc mô hình du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với vùng dược liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ.

b) Địa điểm thực hiện mô hình nằm trong khu vực quy hoạch/định hướng phát triển du lịch, điểm du lịch đã được công nhận, hoặc phù hợp với quy hoạch/kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của địa phương.

c) Có quyền sử dụng đất/mặt bằng hợp pháp hoặc hợp đồng liên kết hợp tác phát triển du lịch/thu mua dược liệu ổn định tối thiểu từ 36 tháng trở lên với các hộ dân, hợp tác xã hoặc vùng trồng dược liệu trên địa bàn.

d) Điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ lưu trú và trải nghiệm tại hộ gia đình/điểm du lịch: Cơ sở/hộ gia đình tham gia phải bảo đảm nhà ở an toàn, đủ diện tích sinh hoạt gia đình và bố trí được không gian lưu trú đáp ứng phục vụ tối thiểu 15 khách lưu trú/đợt; có khuôn viên sân vườn, khu vực bếp đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định.

đ) Phương án dịch vụ phải bảo đảm các quy định pháp luật chuyên ngành:

Khai thác, sử dụng nguồn dược liệu có xuất xứ rõ ràng, an toàn.

Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe (xông, tắm, ngâm chân thảo dược, tư vấn/trải nghiệm phương thức truyền thống, dịch vụ ẩm thực bổ dưỡng) phải bảo đảm các quy định về vệ sinh, an toàn, tuân thủ hướng dẫn/quy định chuyên ngành y tế, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

e) Đối tượng thụ hưởng cam kết duy trì hoạt động kinh doanh du lịch và bảo quản, khai thác sử dụng các hạng mục/trang thiết bị được hỗ trợ đúng mục đích tối thiểu 05 năm kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Xây dựng, cải tạo cảnh quan vùng trồng dược liệu phục vụ khách tham quan; chỉnh trang khu vực trải nghiệm thực tế quy trình thu hái, sơ chế, thương thức sản phẩm dược liệu. Lắp đặt hệ thống biển chỉ dẫn, biển giới thiệu cây thuốc/bài thuốc, mã QR; in ấn tài liệu thuyết minh, câu chuyện sản phẩm, ấn phẩm quảng bá: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí thực hiện hợp lệ được phê duyệt; mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/mô hình hoặc điểm du lịch.

b) Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo không gian trải nghiệm chuyên sâu (phòng/khu vực tắm lá thuốc, xông hơi thảo dược, ngâm chân, khu thư giãn/thiền/yoga; khu chế biến ẩm thực dinh dưỡng). Mua sắm trang thiết bị, máy móc, dụng cụ chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho hoạt động chăm sóc sức khỏe bằng thảo dược: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí thực hiện hợp lệ được phê duyệt; mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/mô hình.

c) Hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ du lịch và tuyên truyền quảng bá: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, định mức 300 triệu đồng/mô hình.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm a, điểm b khoản 2 điều này: Hỗ trợ sau đầu tư.

b) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm c khoản 2 điều này: Bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm, thanh quyết toán theo quy định tài chính hiện hành dựa trên kết quả tổ chức đào tạo thực tế.

Chương III

LẬP KẾ HOẠCH DỰ TOÁN, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 10. Lập kế hoạch thực hiện chính sách

1. Hàng năm, các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế, Văn hóa, thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì tổ chức thực hiện chính sách xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ năm sau gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 8.

2. Trên cơ sở dự toán của các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế, Văn hóa, thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân cấp xã lập, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, tổng hợp và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 11. Giá thực hiện chính sách

1. Các Sở, địa phương, đơn vị chịu trách nhiệm xác định giá mặt hàng thực hiện chính sách (có thể sử dụng dịch vụ thẩm định giá đối với các loại giống cây, phân bón, máy móc, thiết bị, in ấn tài liệu, ấn phẩm, ... của các đơn vị có chức năng) để xác định hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng;

2. Đối với các loại giống được sản xuất, mua bán và luân chuyển nội bộ giữa các hộ dân với nhau trên địa bàn, không có hóa đơn của đơn vị cung ứng, UBND cấp xã chịu trách nhiệm xác định giá tại thời điểm thực hiện trên cơ sở đề xuất của phòng Kinh tế.

Điều 12. Nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách

1. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện chính sách tổ chức nghiệm thu đối với các chính sách được giao chủ trì tổ chức thực hiện, thành phần tham gia nghiệm thu bao gồm đơn vị chủ trì được giao trách nhiệm thực hiện chính sách, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị trực thuộc của đơn vị chủ trì, ban chỉ huy thôn/bản/khối xóm và đối tượng thụ hưởng chính sách.

2. Phương pháp nghiệm thu:

a) Nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách đối với từng đối tượng thụ hưởng để tổng hợp thành kết quả chung toàn xã (phường), đơn vị.

3. Hồ sơ nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách:

a) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách theo mẫu số 01, Phụ lục ban hành kèm theo quy định này.

b) Bảng kê danh sách các đối tượng được thụ hưởng theo mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo quy định này.

c) Bảng tổng hợp nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách theo mẫu số 03, Phụ lục ban hành kèm theo quy định này.

4. Thời gian nghiệm thu: trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành khối lượng thực hiện.

Điều 13. Thực hiện kinh phí hỗ trợ

1. Thông báo kế hoạch thực hiện chính sách

Sau khi có Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh giao, thông báo kế hoạch thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn cho các Sở, địa phương trong phạm vi kinh phí được giao.

2. Cấp phát kinh phí

Căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các Sở, cấp xã và đơn vị để thực hiện.

3. Thanh quyết toán kinh phí

Các Sở, địa phương, đơn vị được giao chủ trì thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển dược liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng chịu trách nhiệm thực hiện thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

Hàng năm, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức quyết toán, kiểm tra nguồn kinh phí đã được cấp năm trước của các Sở, địa phương, đơn vị theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển dược liệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng theo quy định này.

2. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực hiện chính sách và khả năng cân đối, ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí để tuyên truyền, phổ biến, triển khai, hướng dẫn, tập huấn và quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách cho các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã và đơn vị có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện chính sách

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện các chính sách: Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu; Hỗ trợ trồng dược liệu tập trung; Hỗ trợ phát triển dược liệu trong rừng.

2. Sở Y tế chủ trì thực hiện các chính sách: Hỗ trợ vùng nguyên liệu dược liệu được chứng nhận đạt chuẩn GACP; Hỗ trợ xây dựng cơ sở bảo quản và chế biến dược liệu.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và chăm sóc sức khỏe gắn với cây dược liệu và tri thức bản địa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng dược liệu.

5. Các sở, ban ngành, các địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
HỒ SƠ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày .../.../2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Mẫu số 01: Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Năm 202.....

Căn cứ Nghị quyết số.../2026/NQ-HĐND ngày .../12/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển được liên kết với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Hôm nay, ngày..... tháng năm 202.....

Thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm:

Đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách:

Đại diện:

- Ông (bà): - Chức vụ:

- Ông (bà): - Chức vụ:

UBND xã:

Đại diện:

- Ông (bà): - Chức vụ:

- Ông (bà): - Chức vụ:

Ban chỉ huy thôn (bản, khối, xóm):.....

Đại diện:

- Ông (bà): - Chức vụ:

- Ông (bà): - Chức vụ:

Tổ/đội/đơn vị thuộc đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách:

Đại diện:

- Ông (bà): - Chức vụ:

- Ông (bà): - Chức vụ:

Tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày/ /2026 của HĐND tỉnh như sau:

1. Nội dung chính sách thực hiện:

- Đối tượng hỗ trợ:
- Điều kiện hỗ trợ:
- Nội dung và mức hỗ trợ:.....

2. Hội đồng nghiệm thu xác nhận kết quả thực hiện chính sách như sau:

- Khối lượng thực hiện chính sách:
- Số tiền được hỗ trợ:..... đồng. Bằng chữ:..... đồng.

Hội đồng nghiệm thu xác nhận kết quả thực hiện chính sách đảm bảo điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày .../ /2026 của HĐND tỉnh và thống nhất thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển phát triển được liệt kê với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng như sau:

- Khối lượng thực hiện chính sách:
- Số tiền được hỗ trợ:..... đồng. Bằng chữ:..... đồng.

(Có bảng kê chi tiết các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện chính sách kèm theo).

Biên bản đã được các thành viên tham gia nhất trí thông qua và lập thành 06 bản: 02 bản lưu tại đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách (01 bản lưu tại đơn vị chủ trì và 01 bản lưu tại đơn vị trực thuộc); 02 bản lưu tại UBND cấp xã (01 bản lưu tại UBND cấp xã/phường, 01 bản lưu tại đơn vị trực thuộc); 01 bản gửi Sở chủ trì, 01 bản gửi Sở Tài chính./.

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**
(Ký tên, đóng dấu)

UBND XÃ/PHƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔ/ĐỘI/ĐƠN VỊ THUỘC ĐƠN VỊ
ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM THỰC
HIỆN CHÍNH SÁCH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**BAN CHỈ HUY THÔN
(BẢN, KHỎI, XÓM)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Bảng kê danh sách các đối tượng thực hiện chính sách hỗ trợ.....

Sở ngành, cơ quan/UBND xã (phường) được giao trách nhiệm thực hiện chính sách:

Thôn (bản, khối, xóm)/Tổ, đội, đơn vị:

**BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC
HIỆN CHÍNH SÁCH**

Năm 202....

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ngày tháng năm 202....)

Đơn vị tính:

Đồng.

TT	Họ và tên chủ hộ, cá nhân, tổ chức	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền được hỗ trợ...../ Mức hỗ trợ	Ký xác nhận	Ghi chú
Cộng:						

Ngày.....tháng..... năm 202....

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**
(Ký tên, đóng dấu)

UBND XÃ/PHƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔ/ĐỘI/ĐƠN VỊ THUỘC ĐƠN VỊ
ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM THỰC
HIỆN CHÍNH SÁCH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**BAN CHỈ HUY THÔN
(BẢN, KHỎI, XÓM)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Bảng tổng hợp kết quả nghiệm thu thực hiện chính sách hỗ trợ

Sở ngành, cơ quan/UBND Xã (phường)/:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ
TRỢ.....**
Năm 202....

Đơn vị tính:

Đồng.

TT	Thôn/bản/khối Tổ/đội sản xuất, đơn vị...	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền được hỗ trợ...../ Mức hỗ trợ:	Ghi chú
Cộng:					

**SỞ NGÀNH, ĐƠN VỊ HOẶC UBND
XÃ/PHƯỜNG ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**
(Ký tên, đóng dấu)